TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 16-8-2022
V/v tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST–DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, về "tranh chấp đòi tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022; thông báo mở lại phiên tòa số: 05/2022/TBMPT-TA ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Néang S, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 281, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn O, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 05, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 25/8/2020 tại Văn phòng công chứng T), (có mặt).

2. Các bị đơn:

2.1. Bà Néang B, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 01, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2.2. Bà Néang K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2.3. Ông Chau Ph, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 01, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2.4. Bà Néang S, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ 06, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2.5. Ông Chau S, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Chau Sr, sinh năm 1940. Địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

3.2. Bà Néang Ph, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

3.3. Ông Chau C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

3.4. Bà Néang M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- *Người phiên dịch tiếng khmer:* Người phiên dịch: Ông Kim S – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam xã C, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của nguyên đơn bà O trình bày:*

Ông Chau So, bà Néang Sư là cha mẹ chồng của bà S có phần đất ruộng diện tích khoảng 25.000m^2 thuộc xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), khi ông So, bà Sư còn sống có cho vợ chồng bà 4.000m^2 để canh tác, nhưng do về Hậu Giang sinh sống nên phần đất trên tạm giao lại cho bà Sư canh tác và quản lý. Đến năm 2020 thì bà Sư chết nên các anh chị em chồng bà đã tự ý bán toàn bộ diện tích đất trên cho người khác với giá 6 lượng vàng 24kra. Trong đó, đã sử dụng vào chi phí đám tang cho bà Sư 2,5 lượng vàng, còn lại 3,5 lượng vàng các anh em của chồng bà đã tự ý phân chia. Vào tháng 05/2020 bà S biết được sự việc nên ông Sr có trả lại 05 chỉ vàng 24kra cho bà S. Còn lại các ông bà B, P, K, S, Sao có hẹn trả nhưng chưa thực hiện. Bà S yêu cầu bà Néang B, Chau P, Néang K, Néang S, Chau S mỗi người phải trả 05 chỉ vàng 24 kra.

** Các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại các phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn đều vắng mặt và không gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Bi đơn Néang B có ý kiến trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ Chau So, Néang Sư khai mở và cho lại anh bà là Chau K chồng trước của bà S (đã chết năm 1994) để canh tác tạm thời diện tích 4.000m^2. Đến năm 2020 mẹ bán toàn bộ diện tích 04 công cho ông Chau Ph. Số vàng bán đất mẹ giao cho Chau Sr cất giữ toàn bộ. Khi mẹ chết 25/3/2020 lấy số vàng bán đất làm đám ma và mỗi người được chia 05 chỉ vàng kể cả bà Sanh cũng được chia, đến làm đám 100 ngày thì bà sử dụng số vàng được chia góp vào làm đám hết số vàng trên, nên hiện nay không còn. Do đó bà không đồng ý trả lại 5 chỉ vàng cho bà S.

Bi đơn Néang K có ý kiến trình bày: Việc bà Néang S khởi kiện yêu cầu bà cùng các anh chị em trả lại số vàng 05 chỉ vàng 24kara bà không đồng ý, vì đây là vàng bán đất của cha mẹ bà và hiện tại anh bà chết từ năm 1994, đất thì do mẹ là bà Sư quản lý canh tác từ sau khi anh bà chết cho đến nay. Hơn nữa, phần đất này là do mẹ trực tiếp bán khi còn sống không phải các anh chị em tự định đoạt bán, số vàng bán đất được 06 lượng vàng, đã làm đám tang cho mẹ hết 2,5 lượng còn lại 3,5 lượng đã chia đều cho các anh chị em mỗi người 05 chỉ. Trong đó, có bà Néang S (chị dâu vợ ông Chau K) cũng được chia 05 chỉ vàng 24kara, Nên việc bà S yêu cầu bà cùng các anh chị em còn lại phải trả mỗi người 05 chỉ bà không đồng ý.

Bi đơn Chau S có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà Néang S khởi kiện yêu cầu ông cùng các anh chị em trả lại số vàng 05 chỉ vàng 24kara ông không đồng ý, vì số vàng này khi mẹ còn sống bán đất cho Chau Ph được 06 lượng vàng, đã làm đám tang cho mẹ hết 2,5 lượng còn lại 3,5 lượng các anh em đã chia đều cho mỗi người 05 chỉ. Trong đó, có bà Néang S (chị dâu vợ ông Chau K) 05 chỉ. Đến làm đám 100 ngày cho mẹ đã góp vào hết hiện tại số vàng trên không còn. Tại phiên tòa, ông trình bày thêm bà S đã có gia đình khác, khi ông K chết năm 1994 bà S không tham dự và cũng không làm đám tang cho chồng, mọi chi phí đám tang cho ông K đều do bà Sư và các anh chị em tự chịu. Ngoài ra, khi bà Sư còn sống bà S cũng chưa bao giờ ghé thăm, chăm sóc mẹ chồng kể cả khi mẹ chết bà S cũng không đến. Hơn nữa, mẹ cũng có chia cho ông K bà S một nền nhà và 1.000m^2 đất ruộng trên. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của bà S.

Bi đơn Chau P có ý kiến trình bày: Ông là chồng của bà Néang D sinh năm 1958 (chết năm 2009) và là con rễ ông Chau So, bà Néang Sư. Ông và bà D có 03 người con chung gồm Néang Ph, sinh năm 1987; Chau Ph C, sinh năm 1989; Néang M, sinh năm 1994. Sự việc anh chị em bên vợ ông tranh chấp nhau về số vàng bán đất do cha mẹ vợ để lại, ông hoàn toàn không liên quan, vì hiện nay ông đã có gia đình khác. Ông cũng không được nhận 05 chỉ vàng từ việc bán đất, nên bà S yêu cầu ông trả 05 chỉ vàng là hoàn toàn vô lý. Trên thực tế ông không biết, không nhận và cũng không liên quan đến số vàng trên. Nên ông không có nghĩa vụ gì phải trả cho bà S. Tuy nhiên, ông có nghe con gái là Néang Ph nói việc ông Sr có chia cho Ph 5 chỉ vàng, đến đám 100 ngày bà ngoại tiếp tục góp vào từ số vàng được chia để làm đám nay đã chi hết số vàng đã nhận.

Bị đơn Néang Si vắng mặt tại phiên tòa: Hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang. Qua xác minh bà không có mặt ở nhà vì bị bệnh tai biến nên các con đưa về chăm sóc nhưng không rõ địa chỉ. Hiện tại vẫn chưa ghi nhận được ý kiến trình bày của bà Si về việc bà S khởi kiện yêu cầu đòi 5 chỉ vàng 24 kara.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, vắng mặt tại phiên tòa:*

Ông Chau Sr trình bày: Nguồn gốc đất của cha mẹ Chau So, Néng Sư khai mở và cho lại anh Chau K (đã chết năm 1994) với diện tích 4.000 m^2 đất nông nghiệp (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau đó bà S (chị dâu) giao lại cho mẹ quản lý và canh tác đến năm 2020 mẹ (chết), trước khi chết mẹ bán đất cho Chau Ph được 06 lượng vàng 24 kara, làm đám ma chay cho mẹ hết 2,5 lượng, còn lại 3,5 lượng đã chia đều cho các anh chị em mỗi người 05 chỉ, trong đó có cho chị dâu bà Néang S 05 chỉ. Việc bà S kiện anh chị em đòi vàng ông không có ý kiến. Riêng 05 chỉ vàng ông được chia đã trả lại cho bà S, nên không có nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Néang Ph, Chau C, Néang M (con ông Chau Ph) vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã đưa vào tham gia tố tụng, thông báo tham gia đối chất đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở nên đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S đối với các bị đơn B, K, S, Si, P mỗi người trả 5 chỉ vàng 24 kara.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà S khởi kiện các bị đơn "tranh chấp đòi tài sản", căn cứ tại khoản 9 Điều 26. Về thẩm quyền giải quyết căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn B, K, S, Si, P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sr, Néang Ph, Chau C, Néang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Ngày 26/4/2022 sau khi nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ. Về việc đưa người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Sau khi xem xét quá trình tố tụng Tòa án cần thiết ban hành thông báo số 33/TB-TA ngày 01/7/2022 về việc đưa Néang Ph, Chau C, Néang M (con ông Chau P – Néang D) do Chau P cho rằng ông không trực tiếp nhận 05 chỉ vàng được chia từ việc bán đất mà là con gái tên Ph nhận, nên việc đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguồn gốc 4.000m^2 đất nông nghiệp tại xã Ô do ông Chau So (chết ngày 06/8/2011) và bà Néang Sư (chết ngày 25/3/2020) khai phá, sử dụng, đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ, phần đất này do bà Sư chia cho vợ chồng bà S, Chau K. Nhưng sau khi ông K chết năm 2014 thì bà Sư trực tiếp quản lý và canh tác đến ngày 13/3/2019 bà Sư đem bán cho ông Chau Ph, Néang K với giá 6 lượng vàng 24kara. Khi bán hai bên có làm giấy tay bà Sư có lăn tay bên người bán. Như vậy, việc mua bán đất được thực hiện ngày 13/3/2019 thời gian diễn ra trước khi bà Sư chết vào ngày 25/3/2020, không phải như ý kiến trình bày của nguyên đơn cho rằng các bị đơn đã tự ý bán phần đất bà Sư đã cho bà. Ngoài ra, bà S là nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ gì liên quan đến việc bà Sư có tặng cho vợ chồng bà phần đất nói trên.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà S về số vàng bà Sư bán đất cho Chau Ph được 6 lượng vàng 24 kara đã giao ông Sriếp quản lý và chi vào đám tang hết 2,5 lượng khi bà Sư chết, còn lại 3,5 lượng ông Sr phân chia cho bản thân ông, bà S, bà B, bà K, ông S, bà Si mỗi người 5 chỉ vàng 24kara. Đối với Chau P không nhận vàng nhưng con gái ông là Néang Ph nhận từ ông Sr. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Ph trả 5 chỉ vàng 24 kara nhưng không có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung nên không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ kiện này, mà tách ra thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Qua đó cho thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà S cho rằng bà Sư có tặng cho đất 4.000m^2 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc tặng cho này, bà chỉ căn cứ vào lời khai của ông Sr và Vi bằng để xác định đó là tài sản của bà S. Trong khi đó bà Sư là người trực tiếp quản lý tài sản và tự định đoạt số tài sản của bà khi bà còn sống thông qua việc mua bán đất trực tiếp với Chau Ph và bà. Đối với bà S không trực tiếp quản lý tài sản và cũng không có công nuôi dưỡng chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau, mai táng nhưng vẫn được ông Chau Sr chia cho 5 chỉ vàng như các anh chị em khác là hợp lý. Ngoài ra, việc ông Sr tự nguyện đem số vàng của mình được chia giao trả lại cho bà S là sự tự nguyện

của ông Sr không phải là cơ sở buộc các bị đơn khác cùng thực hiện nghĩa vụ như ông Sr đối với bà S.

Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 158, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà S buộc các bị đơn bà B, bà K, ông S, bà S, ông P mỗi người trả lại 5 chỉ vàng 24kara cho bà S.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 158, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Néang S về yêu cầu tranh chấp đòi tài sản đối với các bị đơn Néang B, Néang K, Chau P, Néang S, Chau S đòi mỗi bị đơn phải trả 05 chỉ vàng 24 kara cho nguyên đơn bà S.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Néang S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

[4] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THADS h. Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Thúy Liễu